UBND THÀNH PHỐ GÒ CÔNG
TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ GÒ CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 129 /QĐ-TTYTGC

Gò Công, ngày 07 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Xây mới hàng rào Trạm y tế phường 5, Trung tâm Y tế thành phố Gò Công

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ GÒ CÔNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính v/v quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm và duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân tỉnh Tiền Giang ban hành Nghị quyết ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng 06/5/2025 của Trung tâm Y tế thành phố Gò Công và Công ty TNHHTMXD Hoàng Hiệp

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Duyệt chấp thuận kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

- Tên gói thầu số: Xây mới hàng rào Trạm Y tế phường 5
  + Nhà thầu được lựa chọn: 01 nhà thầu.
  + Tổng cộng: 01 hạng mục.
  + Giá trúng thầu: 70.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng).*

(Danh mục chi tiết đính kèm).

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn.
- Loại hợp đồng: trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Nguồn vốn thực hiện: Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp từ nguồn sự nghiệp y tế năm 2025

Điều 2: Phòng Tổ chức hành chính, Trưởng Phòng Tài chính kế toán, Trưởng Trạm y tế phường 5 và các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG TIỀN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ GÒ CÔNG

Nguyễn Thanh Tùng

DANH MỤC

Chi tiết xây mới hàng rào TYT phường 5

(Đính kèm QĐsố: 129/QĐ-TTYTGC ngày 07/5/2025 của Trung tâm Y tế thành phố Gò Công)

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN/ đồng
1	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,4m3, đất cấp II	100m3	0.181	2,654,045	480,382
2	Đóng cọc gỗ (hoặc cọc tràm) bằng máy đào 0,5m3, chiều dài cọc > 2,5m, đất cấp II	100m	3.500	1,684,749	5,896,622
3	Đắp cát công trình bằng thủ công, đắp nền móng công trình	m3	0.813	718,758	584,350
4	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lót móng rộng <=250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 150	m3	0.813	1,647,535	1,339,446
5	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép 10mm	tấn	0.122	23,693,877	2,890,653
6	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép 6mm	tấn	0.018	23,693,877	426,490
7	Ván khuôn gỗ, ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật	100m2	0.099	20,230,453	2,002,815
8	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng <=250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 200	m3	1.894	1,785,217	3,381,201
9	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông cột tiết diện <=0,1m2, chiều cao <=6m đá 1x2, vữa bê tông mác 200	m3	0.537	2,587,717	1,389,604

10	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0.043	24,892,853	1,070,393
11	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép 6mm, chiều cao <= 6m	tấn	0.020	24,892,853	497,857
12	Ván khuôn gỗ, ván khuôn cột, cột vuông, chữ nhật	100m2	0.105	21,710,476	2,279,600
13	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông xà dầm, giằng nhà; chiều cao <=6m đá 1x2, vữa bê tông mác 200	m3	1.093	2,285,194	2,497,717
14	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0.068	25,334,953	1,722,777
15	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép 6mm, chiều cao <= 6m	tấn	0.030	25,334,953	760,049
16	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép 8mm, chiều cao <= 6m	tấn	0.021	25,334,953	532,034
17	Ván khuôn gỗ, ván khuôn xà dầm, giằng	100m2	0.117	23,655,442	2,767,687
18	Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19, chiều dày <=10cm, chiều cao <=6m, vữa XM mác 75	m3	1.721	2,213,843	3,810,024
19	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m2	22.720	109,127	2,479,365
20	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m2	16.670	218,176	3,636,994
21	Trát xà dầm, vữa XM mác 75	m2	8.586	152,908	1,312,868

22	Lắp dựng khung sắt, khung nhôm (khung rào tận dụng)	m2	27.690	122,659	3,396,428
23	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt kim loại	m2	55.380	60,873	3,371,147
24	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	55.380	67,852	3,757,644
25	Bả bằng bột bả vào tường	m2	13.755	41,483	570,599
26	Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần	m2	25.108	48,556	1,219,144
27	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	38.863	61,034	2,371,964
28	Công tác ốp đá hoa cương vào tường	m2	4.928	2,109,494	10,395,586
29	Chữ INOX nhỏ mạ đồng " TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ GÒ CÔNG - UBND PHƯỜNG 5"	bộ	1.000	1,263,595	1,263,595
30	Chữ INOX lớn mạ đồng " TRẠM Y TẾ PHƯỜNG 5"	bộ	1.000	1,895,392	1,895,392
A	**TỔNG CỘNG**				**70,000,427**
B	**LÀM TRÒN**				**70,000,000**